

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 12/8/2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Đăng

2. Ông Đinh Quang Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Sơn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm 5, Thôn V, xã N, huyện T, Hà Nội.

(có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc H - sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 5, Thôn V, xã N, huyện T, Hà Nội.

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn ly hôn ngày 24/5/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2015 tại UBND xã N, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng bố mẹ anh H tại Thôn V, xã N. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự đồng cảm chia sẻ lẫn nhau, chị H không có sự hòa hợp với cuộc sống gia đình nhà chồng và vợ chồng không có con chung nên tình cảm vợ chồng thiếu sự gắn kết. Chị H và anh H đã ly thân 3 năm nay, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ chung sống nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc H.

Về con chung : Anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ : Không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Phạm Ngọc H trình bày:**

Anh H xác nhận lời khai của chị H về quá trình vợ chồng tìm hiểu, kết hôn và chung sống. Mâu thuẫn giữa anh H, chị H phát sinh từ năm 2017 và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng không còn tình cảm gì, không có khả năng hàn gắn. Bản thân anh H cũng không mong muốn đoàn tụ nên anh H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết việc ly hôn của anh, chị theo đơn yêu cầu của chị H. Anh H xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nhà đất và công nợ: Không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.
- Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:
 - + Về tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến trước phiên tòa xét xử vụ án, Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử điều

hiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật;

+ Về nội dung: Chị H, anh H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2016 và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không có khả năng đoàn tụ chung sống. Chị H yêu cầu được ly hôn, anh H không có mong muốn đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn ly hôn của chị H. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng, kéo dài, không có khả năng đoàn tụ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Chị H phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho anh Phạm Ngọc H, anh H đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 207, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và ra bản án xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Phạm Ngọc H xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 30/11/2015 tại UBND xã N, huyện T, Hà Nội. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh H do bất đồng quan điểm, cách sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo đơn của chị H, anh H không yêu cầu Tòa án hòa giải và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Anh H không yêu cầu Tòa án hòa giải và vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết nên việc hòa giải đoàn tụ giữa anh chị không thể thực hiện được. Nếu duy trì hôn nhân giữa anh chị cũng không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Phạm Ngọc H.

3. Về con chung: Không có.

4. Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Ngọc H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2016/08877, ngày 07/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Anh Phạm Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài